TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2025/DS-PT
Ngày: 30-5-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội;

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 267/2025/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Dương Duy Đ, năm sinh 1980; *(Có mặt)*

1.2. Bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến L là anh Dương

Duy Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970; *(Có mặt)*

2.2. Chị Huỳnh Thị D (D), sinh năm 1974. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu N, chị Huỳnh Thị D, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương Duy Đ, cũng là đại diện của bà Nguyễn Thị Yến L, trình bày:* Anh Đ và mẹ anh là bà L có quen biết anh N và chị D. Do vợ chồng anh N và chị D có nhu cầu, nên hỏi vay tiền của mẹ con anh. Mẹ con anh đã cho anh N và chị D vay số tiền 400.000.000đ, có làm biên nhận ngày 01/01/2021, do anh N và chị D ký nhận; việc vay không có ghi thời hạn trả, có thỏa thuận lãi suất là 2,4%/tháng, mục đích vay là để đầu tư làm rẫy. Trong quá trình vay, anh N và chị D không trả lãi đầy đủ; đặc biệt hơn 01 năm nay thì anh N và chị D không trả khoản tiền gốc, đóng khoản lãi nào. Do có nhu cầu đòi lại tiền gốc, năm 2023 anh và mẹ anh đã yêu cầu anh N và chị D trả lại số tiền vay gốc 400.000.000đ, nhưng không trả. Nay anh Đ và bà L yêu cầu anh N và chị D trả lại số tiền vay còn nợ là 400.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn, anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D, cùng trình bày:* Vợ chồng anh có tham gia chơi hụi do bà Yến L làm chủ hụi, không có tham gia chơi hụi hay vay tiền gì của anh Đ. Việc vợ chồng anh tham gia chơi hụi do bà Yến L làm chủ hụi từ năm 2018, tham gia nhiều dây hụi, hai bên đã có chốt sổ với nhau vào ngày 01/01/2021 và vợ chồng anh có ký biên nhận còn nợ bà Yến L là 400.000.000đ. Tuy nhiên, khi ký thì không có đọc lại nội dung. Đến ngày 02/11/2021, vợ chồng anh có trả cho bà Yến L 30.000.000đ, ngày 08/01/2022 trả 40.000.000đ, ngày 09/11/2022 trả 25.000.000đ, ngày 15/02/2023 trả 21.000.000đ. Không nhớ ngày tháng năm anh, chị có vay của Ngân hàng trả cho bà L được 40.000.000đ. Ngoài ra, trước đó ngày 19/11/2018 có trả được 20.000.000đ, ngày 08/8/2020 trả 60.000.000đ; những lần trả tiền này không có

làm biên nhận, không ai biết và chứng kiến, cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả tiền nầy. Tổng cộng vợ chồng anh đã trả cho bà Yến L số tiền là 416.000.000đ, đến nay không còn nợ bà Yến L. Vợ chồng anh không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn anh Đ, bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (viết tắt bản án sơ thẩm) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L.

Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L số tiền vay còn nợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3.2. Trả lại cho anh Dương Duy Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai số 0014352 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/02/2025 anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh N và chị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Đức trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với anh N, chị D về giải quyết vụ án. Anh Đ không kháng cáo, thống nhất theo nội dung Quyết định của bản án sơ thẩm.

- Anh N trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với anh Đ, bà L về giải quyết vụ án. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

- Chị D trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Hữu N, chị Huỳnh Thị D thực hiện đúng và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D; đề nghị tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Anh Nguyễn Hữu N,

chị Huỳnh Thị D nộp đơn kháng cáo trong thời hạn nên hợp lệ. Bà Nguyễn Thị Yến L ủy quyền cho anh Dương Duy Đ, thủ tục ủy quyền hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Anh N và chị D thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền hụi ngày 01/01/2021, tại thời điểm ký kết anh N và chị D có đầy đủ năng lực, nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Tuy nhiên anh N, chị D cho rằng khi ký tên và lăn tay vào giấy vay tiền thì không có đọc lại nội dung. Qua đó cho thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Việc anh N và chị D cho rằng ký tên vào tờ giấy vay tiền ngày 01 tháng 01 năm 2021 là do bị ép buộc mà ký, chứ không phải là do ý chí tự nguyện của anh chị, nhưng không có căn cứ gì để chứng minh cho việc bị ép buộc mà ký tên, cũng như sau khí ký kết đó anh N, chị D có trình báo với chính quyền địa phương hay khai báo với ai đó về việc này. Từ đó cho thấy việc khai nại này của anh N và chị D không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

Việc anh N, chị D cho rằng không có vay tiền gì của anh Đ mà chỉ có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi từ năm 2018 với nhiều dây hụi và chốt sổ với bà L, ngày 01/01/2021 thì anh N, chị D còn nợ bà L 400.000.000đ. Lời trình bày này của anh N, chị D không phù hợp với nội dung của tờ giấy ghi ngày 01 tháng 01 năm 2021 là vay tiền, có bên vay, bên cho vay, số tiền vay. Cụ thể có đoạn ghi "*…chúng tôi xin vay và hứa sẽ trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ông Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L theo đúng giấy vay tiền này…*", "*…chúng tôi đã nhận đủ số tiền vay là (bốn trăm triệu đồng) từ ông: Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L và coi đây là giấy biên nhận đã nhận đủ tiền vay…*", từ đó cho thấy đây là việc vay tiền giữa hai bên chứ không như lời khai nại của anh N, chị D.

Việc anh N, chị D cho rằng đã trả cho bà L nhiều lần tiền tổng cộng là 416.000.000đ. Tuy nhiên, việc trả tiền nầy anh N, chị D không cung cấp, đưa ra được tài liệu; người làm chứng hay chứng cứ gì để chứng minh có việc trả tiền này. Và bà L cũng không thừa nhận là có việc trả tiền trên của anh N, chị D, nên không có căn cứ để Tòa án xem xét chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền hụi ngày 01/01/2021 và bị đơn thừa nhận có ký vào biên nhận nên việc

vay là có thật. Từ những phân tích, đánh giá trên, xét bản án sơ thẩm buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L số tiền vay còn nợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa anh N, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu của anh Đ, bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh N, chị D là không có đủ căn cứ; đồng thời anh N, chị D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D không được chấp nhận, nên anh N, chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000đ theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 95, 144, 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L.

Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L số tiền vay còn nợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Hoàn Trả lại cho anh Dương Duy Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0014352 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D mỗi người phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014620 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy anh N và chị D còn phải nộp tiếp là 300.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (K).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến